

UBND TỈNH KON TUM  
SỞ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /STC-QLNS

Kon Tum, ngày tháng năm

V/v thực hiện các chính sách an sinh xã hội năm 2024 theo mức lương cơ sở 2.340.000 đồng và chi trả các chính sách trợ giúp xã hội theo mức chuẩn quy định tại Nghị định số 76/2024/NĐ-CP

Kính gửi:

- Sở Giáo dục và Đào tạo;
- Sở Lao động, Thương binh và Xã hội;
- Trường Cao đẳng Kon Tum;
- Bảo hiểm xã hội tỉnh Kon Tum;
- Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố.

(1) Căn cứ Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ quy định mức lương cơ sở và chế độ tiền thưởng đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang; trong đó, tại điểm c Khoản 1 và Khoản 2 Điều 3 quy định: “1. Mức lương cơ sở dùng làm căn cứ: c) Tính các khoản trích và các chế độ được hưởng theo mức lương cơ sở”; “Từ ngày 01 tháng 7 năm 2024, mức lương cơ sở là 2.340.000 đồng/tháng”.

Căn cứ quy định nêu trên, kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2024 trở đi, các chính sách an sinh xã hội tính theo mức lương cơ sở (như: kinh phí ngân sách nhà nước đóng, hỗ trợ đóng<sup>1</sup> các đối tượng<sup>2</sup> theo quy định tại Nghị định số 146/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2018<sup>3</sup>, Nghị định số 75/2023/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2023<sup>4</sup> của Chính phủ, kinh phí hỗ trợ học bổng đối với học sinh khuyết tật theo thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BTC<sup>5</sup>; kinh phí thực hiện Nghị định số 116/2016/NĐ-CP<sup>6</sup>; chính sách nội trú theo Quyết

<sup>1</sup> điểm d Khoản 1 Điều 7 Nghị định số 146/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2018, mức đóng bảo hiểm y tế hàng tháng của các đối tượng: “Bằng 4,5% mức lương cơ sở đối với các đối tượng khác”

<sup>2</sup> Nhóm NSNN đóng: Hộ gia đình nghèo; người dân tộc thiểu số đang sinh sống tại vùng có điều kiện KT-XH khó khăn; người sinh sống tại vùng có điều kiện KT-XH đặc biệt khó khăn; trẻ em dưới 6 tuổi; cựu chiến binh, thanh niên xung phong, dân công hỏa tuyến; Đối tượng BTXH; người hiến tạng; Nhóm NSNN hỗ trợ đóng: Hộ cận nghèo; Học sinh, sinh viên; Người thuộc hộ gia đình làm nông, lâm nghiệp có mức sống trung bình; Người dân tộc thiểu số đang sinh sống tại địa bàn các xã khu vực II, khu vực III, thôn đặc biệt khó khăn thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2016-2020 mà các xã này không còn trong danh sách các xã khu vực II, khu vực III, thôn đặc biệt khó khăn thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025 theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ

<sup>3</sup> Quy định chi tiết và hướng dẫn biện pháp thi hành một số điều của luật bảo hiểm y tế

<sup>4</sup> Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 146/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn biện pháp thi hành một số điều của Luật bảo hiểm y tế

<sup>5</sup> Khoản 1 Điều 7 quy định: Người khuyết tật thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo đi học tại các cơ sở giáo dục được hưởng học bổng mỗi tháng bằng 80% mức lương cơ sở theo quy định của Chính phủ trong từng thời kỳ.

<sup>6</sup> Điều 5 quy định:

a) Hỗ trợ tiền ăn: Mỗi học sinh được hỗ trợ mỗi tháng bằng 40% mức lương cơ sở và được hưởng không quá 9 tháng/năm học/học sinh;

b) Hỗ trợ tiền nhà ở: Đối với học sinh phải tự túc chỗ ở do nhà trường không thể bố trí ở bán trú trong trường, mỗi tháng được hỗ trợ bằng 10% mức lương cơ sở và được hưởng không quá 9 tháng/năm học/học sinh;

định số 53/2015/QĐ-TTg;...) sẽ tính theo mức lương cơ sở mới là 2.340.000 đồng/tháng.

(2) Căn cứ Nghị định số 76/2024/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội; trong đó, tại Khoản 1 Điều 1 quy định: “1. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 4 như sau: “2. Mức chuẩn trợ giúp xã hội áp dụng từ ngày 01 tháng 7 năm 2024 là 500.000 đồng/tháng. Tùy theo khả năng cân đối của ngân sách, tốc độ tăng giá tiêu dùng và tình hình đời sống của đối tượng bảo trợ xã hội, cơ quan có thẩm quyền xem xét, điều chỉnh tăng mức chuẩn trợ giúp xã hội cho phù hợp; bảo đảm tương quan chính sách đối với các đối tượng khác.”.

(3) Căn cứ điểm a Khoản 2 Điều 3 Quyết định số 127/QĐ-TTg ngày 24 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về nguyên tắc hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương thực hiện các chính sách an sinh xã hội do trung ương ban hành giai đoạn 2022 - 2025: “Các địa phương quy định tại điểm a, b và c khoản 1 Điều 2 Quyết định này: **Chủ động sử dụng nguồn kinh phí bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương (nếu có) và nguồn ngân sách địa phương để thực hiện các chính sách an sinh xã hội do Trung ương ban hành. Trường hợp nhu cầu kinh phí phát sinh lớn, vượt quá khả năng cân đối của ngân sách địa phương, địa phương báo cáo nhu cầu kinh phí gửi Bộ Tài chính để được bổ sung kinh phí theo chế độ quy định**”.

Căn cứ điểm b khoản 9 Điều 7 Thông tư số 76/2023/TT-BTC ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về tổ chức thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2024, quy định: “Các địa phương chủ động sử dụng kinh phí bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương (nếu có) và cân đối nguồn ngân sách địa phương để thực hiện các chính sách tiền lương, an sinh xã hội do Trung ương ban hành, đảm bảo phân bổ đúng chính sách, chế độ, chi trả kịp thời, đúng đối tượng. Kết thúc năm, thực hiện quyết toán kinh phí theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn”.

Trên cơ sở kinh phí Trung ương bổ sung thực hiện chính sách an sinh xã hội năm 2024, Sở Tài chính đã tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh phân bổ cho các đơn vị, địa phương triển khai thực hiện ngay từ đầu năm theo mức lương cơ sở 1.800.000 đồng.

Để kịp thời chi trả các chính sách an sinh xã hội cho các đối tượng theo mức lương cơ sở 2.340.000 đồng và chi trả các chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội theo mức chuẩn trợ giúp xã hội quy định tại Nghị định số 76/2024/NĐ-CP của Chính phủ, Sở Tài chính đề nghị các đơn vị, địa phương **trước mắt chủ động cân đối trong dự toán cấp thẩm quyền giao đầu năm 2024 kinh phí thực hiện các chính sách an sinh xã hội và nguồn ngân**

---

d) Trường hợp trường phổ thông dân tộc bán trú tổ chức nấu ăn tập trung cho học sinh được hỗ trợ kinh phí phục vụ việc nấu ăn cho học sinh theo định mức khoán kinh phí tối thiểu bằng 135% mức lương cơ sở/01 tháng/30 học sinh, số dư từ 15 học sinh trở lên được tính thêm một lần định mức; nhưng mỗi trường chỉ được hưởng không quá 05 lần định mức nêu trên/01 tháng và không quá 9 tháng/01 năm.

**sách địa phương (đối với các huyện, thành phố) để triển khai thực hiện.**  
Trường hợp trong khoảng thời gian cuối năm nhu cầu kinh phí phát sinh vượt quá khả năng cân đối, thì các đơn vị, địa phương báo cáo nhu cầu kinh phí phát sinh tăng thêm theo chế độ quy định gửi Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Tài chính trước ngày 30/10/2024 để tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Bộ Tài chính xem xét, hỗ trợ kinh phí cho địa phương thực hiện theo quy định.

Đồng thời, đối với báo cáo tình hình thực hiện các chính sách an sinh xã hội do Trung ương ban hành trên địa bàn năm 2024 và nhu cầu kinh phí thực hiện năm 2025 theo yêu cầu của Sở Tài chính tại Văn bản số 2551/STC-QLNS ngày 27 tháng 6 năm 2024: đề nghị các đơn vị, địa phương cập nhật các quy định mới nêu trên, tổng hợp, báo cáo đầy đủ nhu cầu kinh phí thực hiện năm 2024-2025 trên địa bàn tỉnh.

Kết thúc niên độ ngân sách năm 2024, các đơn vị, địa phương thực hiện quyết toán chuyên đề các chính sách an sinh xã hội nêu trên theo quy định.

Sở Tài chính báo các đơn vị, địa phương biết, chủ động triển khai thực hiện./.

***Nơi nhận:***

- Như trên;
- KBNN tỉnh, huyện;
- Phòng TC-KH các huyện, TP;
- Phòng Giáo dục và Đào tạo các huyện, TP;
- Phòng Lao động TB-XH huyện, TP;
- Lưu: VT, QLNS.

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Lê Văn Trung**